

Số: 180 /TB - UBND

Minh Đức, ngày 31 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO NIÊM YẾT CÔNG KHAI
Kết quả xác định hộ làm nông nghiệp có mức sống trung bình
cuối năm 2023 giai đoạn 2022 - 2025

Căn cứ Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 24/2021/QĐTTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.

Căn cứ Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 25/9/2023 của UBND xã Minh Đức về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn xã;

Căn cứ kết quả xác định hộ làm nông nghiệp có mức sống trung bình cuối năm 2023 của các thôn.

Nay UBND xã Minh Đức tổ chức niêm yết công khai kết quả xác định hộ làm nông nghiệp có mức sống trung bình cuối năm 2023 của các thôn tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa các thôn và thông báo trên Đài truyền thanh xã. Cụ thể:

STT	Thôn	Tổng số hộ dân	Hộ làm nông nghiệp có mức sống trung bình	Tỷ lệ
1	Quần	516	17	3,3
2	Phúc Lâm	743	18	2,4
3	Cự Lộc	741	47	6,3
4	Văn Sự	291	7	2,4
5	Mép	819	58	7,1
6	Trúc Văn	319	15	4,7
7	Vạn Tải	646	27	4,2
	Tổng cộng	4075	189	4,6

(Có danh sách kèm theo)

Thời gian niêm yết: 05 ngày làm việc, từ 7 giờ 30 phút ngày 01 tháng 11 năm 2023 đến 16 giờ 30 phút ngày 07 tháng 11 năm 2023.

Trong thời gian niêm yết nêu trên, đề nghị nhân dân theo dõi về kết quả xác định hộ, số nhân khẩu trong hộ, họ và tên, ngày, tháng, năm sinh; trường hợp trong danh sách chỉ ghi năm sinh hoặc chưa có thông tin ngày, tháng, năm sinh, đề nghị thành viên hộ đó mang 1 bản phô tô căn cước công dân đến UBND xã để bổ sung thông tin. Nếu thông tin chưa đúng so với giấy tờ tùy thân như căn cước công dân hoặc giấy xác nhận nơi cư trú đề nghị nhân dân có ý kiến phản ánh, kiến nghị, đề nghị gửi bằng văn bản về UBND xã Minh Đức để xem xét, giải quyết theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Đài truyền thanh xã;
- Bí thư, Trưởng thôn;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Lăng

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI

Kết quả danh sách xét duyệt chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

(Ban hành kèm theo Thông báo niêm yết công khai số 14 /TB-UBND ngày 15 / 10 /2019 của UBND xã MINH ĐỨC)

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Địa chỉ thường trú	Thuộc diện đối tượng	Hệ số trợ cấp	Mức trợ cấp	Ghi chú
1	Đoàn Thị Tỷ	10/10/1939	Nghĩa Dũng, MINH ĐỨC	Người từ đủ 80 tuổi trở lên	1.0	270.000	
2	Nguyễn Văn Đỏ	15/10/1939	Nghĩa Xá, MINH ĐỨC	Người từ đủ 80 tuổi trở lên	1.0	270.000	
3	Phạm Đình Chương	07/10/1959	Liêu Xá, MINH ĐỨC	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2.0	540.000	
4	Phạm Văn Duy	17/03/1960	Nghĩa Xá, MINH ĐỨC	Người khuyết tật nặng	1.5	405.000	
5	Nguyễn Thị Tặc	1925	Nghĩa Xá, MINH ĐỨC	Hộ gia đình có người KTĐBN	1.0	270.000	
6	Phạm Thị Luyến	04/05/1924	Nghĩa Xá, MINH ĐỨC	Hộ gia đình có người KTĐBN	1.0	270.000	
7	Nguyễn Thị Phở	05/1921	Nghĩa Xá, MINH ĐỨC	Hộ gia đình có người KTĐBN	1.0	270.000	
8	Nguyễn Văn Ngũ	11/1922	Nghĩa Xá, MINH ĐỨC	Hộ gia đình có người KTĐBN	1.0	270.000	